

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

08 TXĐK

03 CM

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	03/8/2003	C26QT1		6,6	sáu, sáu	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh	Anh	13/8/2006	C26QT1		9,3	chín, ba	
3	2410100018	Trần Ngọc	Ánh	16/07/2006	C26QT1		7,4	bảy, bốn	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim	Cương	09/04/2006	C26QT1		10,0	mười	
5	2410100026	Lê Thanh	Dương	22/12/2006	C26QT1		9,8	chín, tám	
6	2410100004	Tạ Duy	Đăng	16/10/2006	C26QT1		5,0	năm, không	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/02/2006	C26QT1		5,2	năm, hai	
8	2410100029	Lê Chí	Hậu	05/11/2006	C26QT1		8,4	tám, bốn	
9	2410100017	Nguyễn Đức	Hậu	31/01/2006	C26QT1		7,7	bảy, bảy	
10	2410100025	Nguyễn Quốc	Huy	10/06/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu	Huyền	11/12/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006	C26QT1		9,5	chín, năm	
13	2410100027	Nguyễn Văn	Linh	28/07/2005	C26QT1				L2 ✓
14	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005	C26QT1		9,7	chín, bảy	
15	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006	C26QT1		8,8	tám, tám	
16	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006	C26QT1		9,5	chín, năm	
17	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006	C26QT1		10,0	mười	
18	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006	C26QT1		9,7	chín, bảy	
19	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006	C26QT1		7,4	bảy, bốn	
20	2410100030	Trần Việt	Phú	03/12/2004	C26QT1				✓
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002	C26QT1		9,4	chín, bốn	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006	C26QT1		9,3	chín, ba	
23	2410100002	Phạm Trung	Trúc	04/07/2004	C26QT1		6,9	sáu, chín	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	C26QT1		7,0	bảy, không	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 2. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày 21 tháng 6 năm 2025

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)



Đoàn Thị Hoa



Lê Trung Sơn

TRƯỞNG

CHỖ



TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	03/8/2003	C26QT1	<i>anh</i>	6,0	sáu, không	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh	Anh	13/8/2006	C26QT1	<i>anh</i>	6,0	sáu, không	
3	2410100018	Trần Ngọc	Ánh	16/07/2006	C26QT1	<i>anh</i>	7,5	bảy, năm	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim	Cương	09/04/2006	C26QT1	<i>Cương</i>	8,0	tám, không	
5	2410100026	Lê Thanh	Dương	22/12/2006	C26QT1	<i>duy</i>	7,0	bảy, không	
6	2410100004	Tạ Duy	Đặng	16/10/2006	C26QT1	<i>duy</i>	7,0	bảy, không	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/02/2006	C26QT1	<i>h</i>	7,0	bảy, không	
8	2410100029	Lê Chí	Hậu	05/11/2006	C26QT1	<i>hau</i>	7,0	bảy, không	
9	2410100017	Nguyễn Đức	Hậu	31/01/2006	C26QT1	<i>hau</i>	7,0	bảy, không	
10	2410100025	Nguyễn Quốc	Huy	10/06/2006	C26QT1	<i>huy</i>	6,6	sáu, sáu	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu	Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>h</i>	7,0	bảy, không	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>huyen</i>	7,0	bảy, không	
13	2410100027	Nguyễn Văn	Linh	28/07/2005	C26QT1				L2V
14	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005	C26QT1	<i>linh</i>	8,0	tám, không	
15	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006	C26QT1	<i>ngan</i>	7,5	bảy, năm	
16	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006	C26QT1	<i>ngan</i>	8,0	tám, không	
17	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006	C26QT1	<i>nguyen</i>	7,0	bảy, không	
18	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006	C26QT1	<i>nh</i>	7,0	bảy, không	
19	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006	C26QT1	<i>Nhung</i>	7,5	bảy, năm	
20	2410100030	Trần Việt	Phú	03/12/2004	C26QT1				✓
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002	C26QT1	<i>thi</i>	7,0	bảy, không	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006	C26QT1	<i>thu</i>	6,0	sáu, không	
23	2410100002	Phạm Trung	Trực	04/07/2004	C26QT1	<i>truc</i>	6,0	sáu, không	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	C26QT1	<i>truc</i>	6,0	sáu, không	

- Lưu ý:**
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 2. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn

TR

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		6,4	sáu, bốn	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		9,3	chín, ba	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		5,0	năm, không	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2		7,1	bảy, một	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2		8,6	tám, sáu	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		9,5	chín, năm	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		9,3	chín, ba	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		7,5	bảy, năm	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2		5,0	năm, không	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		9,0	chín, không	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		6,6	sáu, sáu	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2				✓
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		9,3	chín, ba	
14	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				L2V

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 2 . Số bài thi: 12 / 12 .

Ngày: 24 tháng 6 năm 2025

Ngày: 20 tháng 6 năm 2023

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Lê Trung San

PHÒNG
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bảo	7,5	bảy, năm	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	Mỹ	6,5	sáu, năm	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Thùy	7,5	bảy, năm	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2	Đức	7,5	bảy, năm	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2	G	6,5	sáu, năm	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	Hiếu	7,5	bảy, năm	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Huy	7,5	bảy, năm	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	Hy	6,0	sáu, chẵn	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2	KIM	6,0	sáu, chẵn	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	Ny	6,5	sáu, năm	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	Phúc	7,0	bảy, chẵn	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2				✓
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Thơ	6,5	sáu, năm	
14	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				✓

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 12 vắng thi: 2. Số bài thi: 12 / 12.

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hoa

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	C24QT7		6,4	sáu, bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 14 tháng 6 năm 2025

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Lê Trung Sơn

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTĐT

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	C24QT7		5,0	năm, phẩy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 24 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý thống kê - MH1104101

Giám thị 1: Lê Anh Thy ThyTrần Thị Hoa Ký tên:

Mã lớp học phần: 24311MH110410101 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền Ký tên:

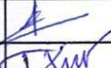
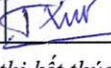
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 17/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: PM 2

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003					C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006					C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006					C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006					C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006					C26QT1	
6	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006					C26QT2	
7	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006					C26QT1	
8	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006					C26QT2	
9	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006					C26QT1	
10	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006					C26QT2	
11	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006					C26QT2	
12	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006					C26QT1	
13	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006					C26QT1	
14	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006					C26QT1	
15	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006					C26QT2	
16	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006					C26QT1	
17	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005					C26QT2	
18	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006					C26QT1	
19	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006					C26QT1	
20	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006					C26QT2	
21	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006					C26QT2	
22	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005					C26QT1	
23	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006					C26QT1	
24	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006					C26QT1	
25	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006					C26QT1	
26	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006					C26QT1	
27	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006					C26QT1	
28	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006					C26QT2	
29	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006					C26QT2	
30	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004					C24QT7	
31	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002					C26QT1	
32	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006					C26QT2	
33	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006					C26QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004					C26QT1	
35	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002					C26QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 34 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 34 / 34.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 19 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



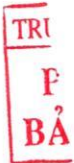
Trần Thị Hoa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 3 - Năm học 2024-2025

Môn học: Nguyên lý thống kê

Mã bài thi: CBS96R

Thời gian thi: 17/07/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 17/07/2025 08:45:00

Giám thị 1: T. T. Hoa Ký tên: Hoa

Giám thị 2: T. T. Tuyên Ký tên: Tuyên

Giám thị 3: L. Anh Thy Thy Ký tên: Thy

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/08/2003	<u>anh</u>	7.2	Bảy, hai	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/08/2006	<u>anh</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	<u>anh</u>	6	Sáu	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	<u>Bao</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	<u>Cuong</u>	7.5	Bảy, năm	C26QT1	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	<u>Đăng</u>	8.5	Tám, năm	C26QT1	
7	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	<u>Diệu</u>	5.5	Năm, năm	C26QT2	
8	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	<u>Đức</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
9	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	<u>Dương</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT2	
10	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	<u>Dương</u>	8.5	Tám, năm	C26QT1	
11	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	<u>Gấm</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
12	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	<u>Hằng</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT1	
13	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	<u>Hậu</u>	7	Bảy	C26QT1	
14	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	<u>Hậu</u>	5.8	Năm, tám	C26QT1	
15	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	<u>Hiếu</u>	4.5	Bốn, năm	C26QT2	
16	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	<u>Huy</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT1	
17	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	<u>Huy</u>	6	Sáu	C26QT2	
18	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	<u>Huyền</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
19	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	<u>Huyền</u>	5.8	Năm, tám	C26QT1	
20	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	<u>Hy</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT2	
21	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	<u>Kim</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
22	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	<u>Linh</u>	5.2	Năm, hai	C26QT1	
23	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	<u>Ngân</u>	7.8	Bảy, tám	C26QT1	
24	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	<u>Nguyên</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT1	
25	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	<u>Nhi</u>	5.2	Năm, hai	C26QT1	
26	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	<u>Nhung</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
27	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	<u>Ny</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
28	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	<u>Phúc</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
29	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004	<u>Phúc</u>	6.5	Sáu, năm	C24QT7	
30	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	<u>Thi</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	
31	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	<u>Thơ</u>	7.5	Bảy, năm	C26QT2	
32	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	<u>Thu</u>	5	Năm	C26QT1	
33	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	<u>Trực</u>	6	Sáu	C26QT1	
34	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<u>Xuân</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 34

Số sinh viên đạt: 34

Ngày 24 tháng 7 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

Ngày 23 tháng 7 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI